

Bản án số: **10/2023/HS-PT**

Ngày: 07-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Tiến Hiệp

Ông Bùi Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 103/2022/TLPT-HS ngày 25 tháng 10 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Minh D, Đỗ Văn T, Vương Đình H, Đường Mạnh T1, Vũ Ngọc L do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2022/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Minh D (tên gọi khác: Không), sinh năm 1997 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 02, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Khu phố B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1975 và bà Thái Thị S, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/12/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” (Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2015/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/02/2016, chấp hành xong án phí hình sự ngày 09/5/2016.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Văn T (tên gọi khác: T), sinh năm 1995 tại Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 01, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Viết H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; có vợ là Trần Thị Ánh N, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 04/11/2013, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Phước khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Cố ý gây th3 tích” theo Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 26/5/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can do các bị hại rút đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Ngày 25/11/2020, bị Công an huyện P, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) về hành vi đánh nhau và sử dụng công cụ hỗ trợ không có giấy phép theo Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2013 và Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ. Chấp hành xong ngày 30/11/2020.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Vương Đình H (tên gọi khác: E), sinh năm 1993 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn 01, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vương Đình S, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; có vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1992 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Đường Mạnh T1 (tên gọi khác: Không), sinh năm 1988 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn 02, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đường Văn C, sinh năm 1967 và bà Lê Thị N, sinh năm: 1968; có vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1992 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Vũ Ngọc L (tên gọi khác: Không), sinh năm 1987 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Ấp 01, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn K, sinh năm 1964 và bà

Hoàng Thị N, sinh năm 1964; có vợ: Lương Thị O, sinh năm 1989 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Hồ Văn H1 và những người có quyền L1 và nghĩa vụ liên quan khác nhưng do không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân là người sử dụng ma túy nên từ khoảng tháng 01/2021, Nguyễn Minh D nảy sinh ý định cho khách đến thuê phòng tại căn nhà do D thuê trước đó của anh Trần Bá L1, tại khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để sử dụng ma túy nhằm thu lợi bất chính. D trang bị phòng cách âm, lắp loa nghe nhạc, lắp đèn laser, chuẩn bị sẵn các công cụ dùng để sử dụng ma túy (combo) như đĩa sứ, thẻ nhựa, khăn lạnh, nước suối để phục vụ khách đến thuê phòng.

Khoảng 18 giờ ngày 10/02/2022, Hồ Văn H1, Vũ Ngọc L, Đường Mạnh T1, Vương Đình H và Đỗ Văn T2 cùng thuê xe ô tô dịch vụ biển số 93A-129.92 của Vòng Chánh K đi từ huyện B đến dự sinh nhật tại quán “Tân Ghe” thuộc phường T, thành phố Đ. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H1, H, L và T1 cùng thống nhất tìm kiếm địa điểm để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và thỏa thuận chi phí bao gồm tiền mua ma túy, tiền thuê địa điểm và trả công cho việc gọi nhân viên nữ đến cùng sử dụng ma túy (dù bay) sẽ trích ra từ quỹ chung của H1, L, T1 và H có được từ việc môi giới bán đất và do H nắm giữ quỹ có trách nhiệm chi trả. Sau khi thống nhất xong, cả nhóm rủ Đỗ Văn T2 (là người đi dự sinh nhật chung) cùng đi bay lắc thì T2 đồng ý. Lúc này, H gọi điện thoại cho Đỗ Văn T nhờ đặt phòng để cả nhóm sử dụng ma túy thì T đồng ý.

Trong lúc đợi nhóm của H đến thì T gọi cho Nguyễn Minh D để thuê 01 (một) phòng cho nhóm của H đến sử dụng ma túy thì D đồng ý và kêu T dẫn đến căn nhà của D thuê trên đường Quốc lộ 14, thuộc khu phố 3, phường T, thành phố Đ. T điều khiển xe ô tô biển số 93C-145.96 lên khu vực Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước đợi nhóm của H. Sau khi gặp nhau, T điều khiển xe ô tô dẫn đường cho nhóm của H đi đến căn nhà của D, khi đến nơi thì nhà đang khóa cửa cổng nên T, H, H1, L, T1 và T2 cùng đứng đợi D về mở cửa cổng. Lúc này, H1 nhờ T mua dùm ma túy để cả nhóm cùng sử dụng nhưng T không mua được nên H1 gọi điện thoại cho một người đàn ông tên Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) quen biết trước đó ngoài xã hội hỏi mua 05 (năm) viên ma túy thuốc lắc và 01 bịch ma túy khay thì Đ đồng ý bán và báo 05 (năm) viên ma túy thuốc lắc giá 2.500.000 đồng và 01 bịch ma túy khay giá 6.500.000 đồng và hẹn gặp nhau tại khu vực tượng đài Chiến Thắng thành phố Đ để giao nhận ma túy và tiền. H đưa cho H1 số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) để đi mua ma túy, H1 kêu anh K điều khiển xe ô tô dịch vụ chở ra địa điểm trước đó H1 đã thỏa thuận với Đ,

tại đây H1 đưa cho Đ số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) thì Đ bán cho H1 01 bọc nylon chứa ma túy khay và 01 bọc nylon chứa 05 viên ma túy thuốc lắc. Sau khi mua được ma túy, H1 quay về căn nhà trên để cùng sử dụng ma túy với H, L, T1, T2 và T.

Trong lúc H1 đi mua ma túy, D điều khiển xe mô tô biển số 93P2-818.33 đến nơi, mở cửa cổng căn nhà và dẫn H, L, T1, T và anh T2 vào căn phòng số 02 có trang bị sẵn cách âm, loa nhạc, đèn xoay, thẻ nhựa, nước suối, khăn lạnh là dụng cụ dùng để sử dụng ma túy. Khoảng 30 phút sau, H1 mang ma túy về và được D ra mở cửa dẫn vào phòng số 02, tại đây, H1 bỏ 01 bọc ma túy khay và 01 bọc ma túy 05 viên thuốc lắc ra. Lúc này nhóm của H nhờ D gọi điện thoại cho nhân viên nữ đến cùng sử dụng ma túy (dù bay) thì D đồng ý và sử dụng điện thoại di động gọi cho Đoàn Thị H2, Trần Thị Diễm H3, Nguyễn Tường V qua ứng dụng Zalo đến để sử dụng ma túy với nhóm của H thì H2, H3 và V đồng ý. D thông báo cho nhóm của H là giá thuê phòng để sử dụng ma túy là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)/01 giờ và tiền trả công cho H2, H3, V thì nhóm của H tự thỏa thuận thì tất cả đồng ý. Lúc này, T lấy bọc ma túy chứa 05 viên thuốc lắc ra bẻ ra thành nhiều cục nhỏ và chia đều cho H1, H, L, T1, anh T2 và T cùng sử dụng. Đồng thời D mang 01 đĩa sứ màu trắng đã được hơi nóng lên để trên nệm thì T tiếp tục lấy bọc nylon chứa ma túy khay đổ ra đĩa một ít và lấy tờ tiền giấy mệnh giá 2.000 đồng, thẻ nhựa cà mìn ma túy ra, kẻ thành các đường thẳng nhỏ và tiếp tục lấy tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng quán thành ống hút rồi đưa cho tất cả những người trong phòng cùng sử dụng. Lúc này H2, H3 và V cùng đến nên D ra mở cửa cổng dẫn vào phòng số 02 để cùng sử dụng ma túy chung với nhóm của H, H1, L, T1, T2 và T, còn D đi qua phòng khác ngồi đợi để thanh toán tiền, trong lúc tất cả cùng nhau sử dụng ma túy thì T ra về trước. Đến 01 giờ 00 phút ngày 11/02/2022 lực lượng Công an thành phố Đ phối hợp với Công an tỉnh Bình Phước và Công an phường T kiểm tra hành chính phát hiện các đối tượng trên đang sử dụng ma túy nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ cùng tang vật.

Tại bản kết luận giám định số 53/2022/GĐ-MT ngày 16/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước giám định loại, khối lượng chất thu giữ khi bắt quả tang, kết quả xác định:

- Chất bột màu trắng (ký hiệu M1) có trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là Ma túy; loại Ketamine; có khối lượng là 0,0378 gam (không phẩy không ba bảy tám gam).

- 03 cục chất rắn màu xanh (ký hiệu M2) có trong 01 bọc nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine có khối lượng là 0,6224 gam (không phẩy sáu hai hai bốn gam).

- Tinh thể màu trắng (ký hiệu M3) có trong 01 bọc nylon được niêm phong gửi giám định là Ma túy; loại Ketamine; có khối lượng là 0,5542 gam (không phẩy năm năm bốn hai gam).

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 35, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ.

Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2022/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước quyết định:

1. Tuyên bố: Nguyễn Minh D, Hồ Văn H1 (T), Đỗ Văn T (T), Vương Đình H (E), Đường Mạnh T1 và Vũ Ngọc L phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”

2. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Minh D 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/02/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Văn H1 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/02/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đỗ Văn T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/02/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Vương Đình H 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/02/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Đường Mạnh T1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/02/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Vũ Ngọc L 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/02/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/9/2022 các bị cáo Nguyễn Minh D, Đỗ Văn T, Vương Đình H, Đường Mạnh T1, Vũ Ngọc L có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2022/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Minh D, Đỗ Văn T, Vương Đình H, Đường Mạnh T1, Vũ Ngọc L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh D, Đỗ Văn T, Vương Đình H, Đường Mạnh T1, Vũ Ngọc L được làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm đã nêu, cụ thể:

Khoảng 23 giờ ngày 10/02/2022, Hồ Văn H1, Vũ Ngọc L, Đường Mạnh T1, Vương Đình H thống nhất sử dụng số tiền môi giới bán đất do H quản lý để cùng nhau thuê địa điểm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. H liên hệ Đỗ Văn T tìm thuê địa điểm sử dụng ma túy, T liên lạc cho Nguyễn Minh D thuê phòng tại căn nhà thuộc khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước do D đã thuê trước đó của ông Trần Bá L1, trong phòng D có lắp đặt hệ thống cách âm, loa nhạc, đèn laser, công cụ sử dụng ma túy với giá cho thuê lại là 300.000 đồng/giờ.

T thuê phòng rồi dẫn H1, L, T1, H đến nhà của D đã thuê; H giao số tiền 9.000.000 đồng cho H1 để H1 đi mua ma túy của người đàn ông tên Đ (không rõ nhân thân, lai lịch). Trong lúc H1 đi mua ma túy, D gọi điện thoại cho Đoàn Thị H2, Trần Thị Diễm H3, Nguyễn Tường V đến cùng sử dụng ma túy với cả nhóm, tiền bo cho H2, H3, V là do nhóm H tự thỏa thuận. T lấy 05 viên thuốc lắc bẻ thành nhiều cục nhỏ; D mang đĩa sứ đã hơi nóng cho T, T dùng tờ tiền cà mìn ma túy, quần thành ông hút rồi đưa cho cả nhóm cùng sử dụng. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 11/02/2022 khi các đối tượng đang sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Nguyễn Minh D, Vương Đình H, Đỗ Văn T, Hồ Văn H1, Đường Mạnh T1 và Vũ Ngọc L phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo thấy rằng:

H là người khởi xướng, hỏi thuê địa điểm, đưa tiền cho H1 mua ma túy; D là người cho thuê địa điểm, chuẩn bị công cụ sử dụng ma túy, gọi gái điều bay đến sử dụng ma túy với nhóm của H; T là người môi giới thuê địa điểm, là người chia nhỏ, cùng sử dụng ma túy với nhóm H; H1 là người đi mua ma túy; T1, L là người góp tiền để thuê phòng, mua ma túy nên vai trò của D, T, H, H1 là cao hơn T1, L. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo; bị cáo H,

T1, L ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo là lao động chính, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo D, T, H1 gia đình có người có công cách mạng theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, riêng bị cáo H1 có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên sau khi xem xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo D, H1, T, H mức hình phạt cao hơn các bị cáo T1, L là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm các bị cáo đều tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo T cung cấp thêm tài liệu thể hiện ông ngoại bị cáo là ông Nguyễn Ngọc T được tặng Huân chương chiến công Mỹ hạng 3, nạn nhân chất độc màu da cam; bị cáo từng có đóng góp cho hoạt động xã hội tại địa phương là 02 tấn gạo trong dịch bệnh Covid được chính quyền địa phương xác nhận. Bị cáo L có ông nội là ông Vũ Đình E, ông ngoại Hoàng Văn H là người có công cách mạng. Ngoài ra, xét thấy các bị cáo T, H1, H, T1, L có con còn nhỏ, trong độ tuổi đi học. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét.

Xét thấy, các bị cáo D, T, H, T1, L không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên sau khi xem đánh giá tính chất mức độ hành vi, vai trò, nhân thân các bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Đối với bị cáo Hồ Văn H1: Mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo H1 không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Tuy nhiên, khi xem xét kháng cáo của các bị cáo khác thấy rằng mặc dù bị cáo H1 có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên căn cứ khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, khi xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D, T, H, T1, L, cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H1.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Minh D, Đỗ Văn T (T Phát), Vương Đình H (E), Đường Mạnh T1, Vũ Ngọc L và xem xét về hình phạt đối với bị cáo Hồ Văn H1 (T).

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2022/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước về phân hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Minh D, Đỗ Văn T (T), Vương Đình H (E), Đường Mạnh T1, Vũ Ngọc L và xem xét về hình phạt đối với bị cáo Hồ Văn H1 (T).

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh D, Hồ Văn H1 (T), Đỗ Văn T (T), Vương Đình H (E), Đường Mạnh T1 và Vũ Ngọc L phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

2. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt **Nguyễn Minh D 06 (sáu) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/02/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Hồ Văn H1 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/02/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt **Đỗ Văn T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/02/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt **Vương Đình H 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/02/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt **Đường Mạnh T1 05 (năm) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/02/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: **Xử phạt Vũ Ngọc L 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/02/2022.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu;

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- TAND, VKS, CA TP Đ;
- CQTHAHS CA TP Đ;
- CQĐT CA TP Đ;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Các bị cáo;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thư